

TIẾN TRÌNH THÁO GỠ KHÓ KHĂN VÀ ĐỔI MỚI KINH TẾ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN 1976-1986

PROCESS OF REMOVING DIFFICULTIES AND ECONOMIC INNOVATION
OF HO CHI MINH CITY IN THE PERIOD OF 1976-1986

TRẦN NGỌC ANH^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 22-7-2024 Ngày biên tập xong: 19-9-2024 Ngày duyệt đăng: 31-9-2024 Mã số: TCKH47-20-2024 ISSN: 2525 – 2429</p> <p>Từ khóa: chuyển đổi cơ chế; phát triển kinh tế; tháo gỡ khó khăn; Thành phố Hồ Chí Minh. Key words: mechanism transformation; economic development; solving difficulties; Ho Chi Minh City.</p>	<p>TÓM TẮT: Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước được thống nhất - là điều kiện thuận lợi để nhân dân cả nước tận dụng tối đa ưu thế phát triển kinh tế. Tuy nhiên, mấy năm sau thống nhất, nước ta rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trước thực trạng khó khăn, khủng hoảng, nhiều địa phương trên cả nước trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh từ cuối năm 1978 đã tiên phong thực hiện các giải pháp mang tính “đột phá” trong lĩnh vực kinh tế. Kết quả đạt được của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và nhiều địa phương khác trên cả nước nói chung có ý nghĩa quan trọng để Trung ương tổng kết - hình thành lý luận về đường lối Đổi mới toàn diện đất nước tại Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986.</p> <p>ABSTRACT: After the great victory in the spring of 1975, the country was unified - a favorable condition for the people of the country to take full advantage of economic development. However, a few years after reunification, our country fell into a socio-economic crisis. In the face of difficult and crisis situations, many localities across the country, including Ho Chi Minh City, since the end of 1978 have pioneered in implementing “breakthrough” solutions in the economic field. The results achieved by Ho Chi Minh City in particular and many other localities across the country in general are of great significance for the Central Committee to summarize - form a theory on the comprehensive reform of the country at the at the Sixth Congress of the Communist Party of Vietnam in 1986.</p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đến nay đã mang lại nhiều thành tựu to lớn: Góp phần chuyển đổi thành công mô hình kinh tế,

đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng kéo dài từ cuối thập niên 70 đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX; đưa nước ta trở thành một nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp;... Những thành tựu đạt được

^(*) TS. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, manh@hcmulaw.edu.vn

góp phần khẳng định con đường đang đi là đúng đắn, làm cho niềm tin của bạn bè trong khu vực và trên thế giới được khôi phục, củng cố.

Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Đó là chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước; việc thực thi đường lối, chính sách của chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương; sự nỗ lực của nhân dân cả nước. Ngoài ra, một trong những nguyên nhân quan trọng phải kể đến, đó là sự đóng góp của nhiều địa phương qua việc tiên phong, mạnh dạn thực hiện các giải pháp mang tính “đột phá”, từng bước tháo gỡ khó khăn đổi mới phát triển kinh tế trong những năm 1976-1986, Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những điển hình. Bài viết này chúng tôi nghiên cứu về tiến trình tháo gỡ khó khăn; làm sáng rõ hơn vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh trong chặng đường hoạch định, tìm tòi đường lối thời kỳ trước đổi mới giai đoạn 1976-1986 của Đảng ta, đồng thời đúc kết các bài học kinh nghiệm, ý nghĩa lịch sử cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Khó khăn của Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày giải phóng, thống nhất đất nước

Mấy năm sau ngày giải phóng, thống nhất đất nước, do ảnh hưởng từ nhiều nguyên nhân, Thành phố Hồ Chí Minh đứng trước nhiều khó khăn thách thức. Cụ thể:

Khó khăn về cơ chế quản lý kinh tế: Sau năm 1975, cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp đã được Đảng và Nhà nước áp dụng vào miền Nam [3]. Thực tế, việc áp dụng cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp đã gây ra những khó khăn to lớn cho kinh tế và đời sống của người dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong cơ chế kế quản lý kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước không thừa nhận sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường; không chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần (chủ yếu là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể), kinh tế

cá thể, kinh tế tư nhân bị xóa bỏ, sở hữu tư nhân không được chấp nhận. Nói cách khác, trong cơ chế này các doanh nghiệp không có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh mà nằm trong tay các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước: Từ công tác tổ chức nhân sự, tiền vốn, tiền lương đến phương hướng, kế hoạch sản xuất (sản xuất cái gì, sản xuất bao nhiêu, sản xuất như thế nào), nguyên nhiên liệu, giá sản phẩm; quan hệ hàng hóa - tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu... Đại hội lần thứ VI (12-1986) của Đảng đã thẳng thắn chỉ rõ: “*Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội*” [5].

Khó khăn về nguyên vật liệu: Sau tháng 4-1975, do mất nguồn cung cấp nguyên liệu, phụ tùng từ Mỹ, phương Tây và Nhật Bản: “*Trước năm 1975 mỗi năm miền Nam nhập khẩu khoảng trên dưới 1 tỷ đôla, trong đó hơn 200 triệu đôla hàng tiêu dùng, 300 triệu đôla nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, hơn 100 triệu đôla lương thực, hơn 150 triệu đôla xăng dầu... Số tiền này được nhập chủ yếu thông qua hệ thống viện trợ Mỹ*” [13], đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh tế quốc doanh của Thành phố Hồ Chí Minh. Do tác động bởi những khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa; sự mất cân đối nghiêm trọng trong xuất nhập khẩu, vật tư nguyên liệu, phụ tùng; cộng với tính chất phụ thuộc nguồn vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng máy móc nước ngoài của chế độ cũ trước đó; chính sách cấm vận, bao vây kinh tế của Mỹ... khiến công nghiệp thành phố nhanh chóng bộc lộ sự suy yếu, đứng trước nhiều thử thách nghiêm trọng, những thiếu hụt về nguyên vật liệu nhanh chóng bao trùm trong cả sản xuất nông nghiệp lẫn sản xuất công nghiệp.

Thành phố là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước nhưng thường xuyên thiếu dầu chạy máy, thiết bị điện sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp và hư hỏng lớn, sản lượng điện ngày càng sụt giảm “Nếu năm 1975, sản lượng điện của thành phố là 1 tỷ kwh, đến những năm 1981-1982 chỉ còn 0,5 tỷ kwh. Trong khi đó nhu cầu điện của thành phố ở mức khiêm tốn cũng phải 1,3-1,4 tỷ kwh” [17]. Do vậy, thành phố phải hạn chế điện theo giờ để ưu tiên cho sản xuất, phải thường xuyên cắt điện luân phiên. Cũng do cung ứng vật tư thiếu, vật tư cho sản xuất đã ít lại bị phân tán và manh mún, nhiều xí nghiệp quốc doanh thực sự thiếu nguyên liệu quan trọng: Nhà máy dệt thì thiếu sợi, thiếu hóa chất để nhuộm vải; nhà máy giấy thì thiếu bột giấy; nhà máy nhựa thì thiếu hạt nhựa; nhà máy đường thì thiếu mía, thiếu đường thô; nhà máy in thì thiếu mực, thiếu giấy... các nhà máy thường phải hoạt động cầm chừng, số người thiếu việc làm tăng lên rất nhanh, công nhân có tay nghề cao, cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm và cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi bỏ xí nghiệp ra ngoài làm riêng hoặc đi nước ngoài. Ngoài ra chưa kể đến sự thiếu hụt đang bao trùm trong cả sản xuất lẫn tiêu dùng đó là thiếu hụt phụ tùng thay thế: Máy móc trong công xưởng, xí nghiệp thiếu vòng bi, bạc đạn; xe cộ thiếu săm lốp, xích, cãm, bạc đạn... đến việc các nhà máy, xí nghiệp còn đối mặt với sự thiếu hụt về linh kiện thay thế.

Khó khăn về vốn đầu tư: Trong giai đoạn 1976-1986, mặc dù với nguồn vốn eo hẹp, nhưng hướng đầu tư ưu tiên của Đảng và Nhà nước là các công trình xây dựng cơ bản thuộc công nghiệp nặng, với mục tiêu là trong thời gian ngắn nhất có thể tạo ra được một nền công nghiệp toàn diện, trong đó công nghiệp nặng có khả năng đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của nền kinh tế. Năm 1976 vốn đầu tư xây dựng của Nhà nước theo khu vực là 12.808,3 triệu đồng, năm 1980 là 15.959,1 tỷ đồng và năm 1985 là 24.839,4 tỷ đồng [16]. Ngay tại

Thành phố Hồ Chí Minh, tài sản chỉ chiếm 20% tài sản cố định của cả nước, nhưng trong 8 năm (1976-1983) “Đầu tư 2 tỷ đồng, trong đó phải giành phần lớn cho bảo trì, thay thế phụ tùng và đồng bộ hóa một số xí nghiệp, thực tế xây dựng mới chỉ chiếm 213,7 triệu đồng” [12]. Một khó khăn nữa cũng phải kể đến đó là trong giai đoạn 1976-1986, do Nhà nước chưa có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài nên vai trò của nó với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố còn hết sức mờ nhạt “Theo một ước tính, tổng số vốn đầu tư nước ngoài mà thành phố nhận được từ sau ngày giải phóng đến khi có Luật đầu tư nước ngoài (1987) là khoảng 77 triệu rúp-USD” [17]. Trong khi đó, Nhà nước cũng như các đơn vị kinh tế không có đủ ngoại tệ để nhập nguyên liệu, vật tư và phụ tùng phục vụ sản xuất.

Khó khăn về đời sống kinh tế: Từ năm 1977 trở đi đời sống của cán bộ, công nhân viên chức, các lực lượng vũ trang và người dân thành phố bắt đầu gặp khó khăn, nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu về đời sống vật chất và tinh thần chưa được đảm bảo, ngày càng thiếu hụt... Sản lượng lương thực Nhà nước thu mua không đủ, nên từ năm 1978, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang... phải ăn bo bo, khoai mì thay cho khẩu phần gạo không đủ cung cấp. Thêm vào đó chỉ số giá cả thị trường xã hội tăng lên hàng năm “So với năm trước, năm 1978 tăng 15,3%, năm 1979 tăng 30,9%, năm 1980 tăng 20,3%, năm 1981 tăng 42%” [12].

Do sản xuất không phát triển, nên việc cung cấp theo định lượng cho cán bộ công nhân viên và nhân dân lao động giảm sút cả về số lượng và chất lượng, phát sinh nhiều tiêu cực. Quỹ hàng hóa thuộc nhu cầu thiết yếu không bảo đảm 50% định lượng quy định cho công nhân viên chức và nhân dân lao động. Tiền lương thực tế của công nhân viên chức, lực lượng vũ trang “Mỗi năm sụt từ 17% đến 27%, năm 1979 chỉ bằng khoảng 1/3 năm 1976” [12]. Tại các cửa hàng bán lương thực của

thành phố không có đủ hàng hóa để cung cấp cho người dân, hàng thực phẩm tươi sống không được bảo quản cẩn thận, cá tươi nhiều khi đến tay người dân thì đã ươn, thối không dùng được, gạo thì nhiều khi ẩm mốc người dân quen gọi là “gạo mậ dịch”... Có thể nói trong những năm trước Đổi mới, phân phối lưu thông, giá cả vẫn là một khâu lúng túng nhất trong chính sách kinh tế của Nhà nước.

Những khó khăn trên làm cho bức tranh kinh tế và đời sống của Thành phố Hồ Chí Minh lâm vào tình trạng “thiếu hụt” khủng hoảng, các xí nghiệp quốc doanh thì thiếu vốn, thiếu nguyên nhiên vật liệu, dẫn tới hoạt động cầm chừng, công nhân lãnh nghề bỏ việc vì thu nhập quá thấp; người dân thiếu việc làm, thiếu ăn, thiếu mặc... kinh tế tăng trưởng thấp “*Tốc độ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 1977-1980 chỉ ở mức bình quân 2,2%/năm. Giá trị gia tăng sản xuất công nghiệp tăng 5,8% nhưng do chỉ chiếm 26-30% giá trị tổng sản phẩm nội địa nên đóng góp của công nghiệp vào tăng trưởng kinh tế chung không cao... tốc độ tăng trưởng dịch vụ chỉ là 0,8%/năm... giá trị gia tăng nông nghiệp tăng bình quân 1,7%/năm*” [17].

Trước những khó khăn khủng hoảng, lãnh đạo và nhân dân thành phố không chịu chết, ngược lại họ đã mạnh dạn thực hiện các hoạt động “đột phá” nhằm nhanh chóng thoát khỏi hiện trạng của khó khăn.

2.2. Những tìm tòi, thử nghiệm ban đầu để giải quyết khó khăn của thành phố

Trước tình trạng suy thoái và trì trệ, lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động tìm kiếm và đưa ra “*Những biện pháp và hình thức tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho sản xuất bung ra, dần dần thoát khỏi cơ chế quan liêu bao cấp, dần dần hình thành mô hình quản lý mới theo hướng tự chủ, tự lo liệu cân đối, tự trang trải trong sản xuất kinh doanh*” [1]. Tháng 8-1979, nhằm tháo gỡ tình trạng kinh tế sa sút của những năm 1978-1979, Thành ủy

Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Nghị quyết số 9/NQ-TU nhấn mạnh: “*Chủ động đề ra kế hoạch bổ sung cho cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh, không ỷ lại trông chờ cấp trên, tự tạo nguồn vật tư, nguyên liệu bằng cách liên kết với các tỉnh trong khu vực, hạn chế tình trạng công nhân xí nghiệp quốc doanh phải nghỉ việc ăn lương 70% vì thiếu nguyên liệu vật tư, thực hiện lương khoán, trả lương theo sản phẩm, kết hợp chặt chẽ ba lợi ích, trong đó quan tâm đúng mức lợi ích của người lao động, lấy ổn định đời sống công nhân mà khôi phục và thúc đẩy sản xuất*” [12].

Tiếp đến Thành ủy thành phố ban hành Nghị quyết số 10/NQ-TU (1980) cho phép các xí nghiệp tạo vật tư nguyên liệu bằng cách liên kết với các tỉnh bạn, hạn chế tình trạng nghỉ việc ăn lương 70% do thiếu vật tư, thực hiện lương khoán, trả lương theo sản phẩm, kết hợp hài hòa các lợi ích, đặc biệt quan tâm đúng mức đến lợi ích của người lao động. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II (10-1980) đưa ra một số biện pháp “tháo gỡ” về cơ chế sản xuất để thúc đẩy kinh tế phát triển: “*Phát huy cao nhất năng lực sản xuất hiện có của các ngành kinh tế, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thương nghiệp; phát triển xuất khẩu; chuyển mạnh cải tiến quản lý kinh tế, quản lý phân phối, lưu thông; tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại hợp lý các ngành kinh tế - kỹ thuật, phối hợp và hợp tác sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố và khu vực, nhằm tiếp tục sắp xếp công ăn việc làm và ra sức ổn định tình hình kinh tế, xã hội và từng bước cải thiện đời sống nhân dân*” [7].

Trong lĩnh vực công nghiệp: Được lãnh đạo Thành phố “*Bật đèn xanh*” [8], một loạt cơ sở công nghiệp như Công ty Bột giặt miền Nam (VISO), Xí nghiệp thuốc lá, Nhà máy bia Sài Gòn, Xí nghiệp Dệt Thành Công, Dệt Phước Long, Dệt Phong Phú, Dệt Thắng Lợi, Xí nghiệp

cơ khí Caric, Sinco... mạnh dạn tiến hành tháo gỡ khó khăn trong sản xuất bằng việc vận dụng thử nhiều hình thức đổi lưu hàng hóa để giải quyết cân đối thêm vật tư cho sản xuất, tiến tới thực hiện kế hoạch 3 phần ABC (Kế hoạch A là thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao, mua bán theo quy định của Nhà nước; kế hoạch B là phần làm thêm của xí nghiệp do xí nghiệp tự cân đối vật tư; kế hoạch C là các mặt hàng phụ của xí nghiệp, chủ yếu là tăng thu nhập cho công nhân và quỹ phúc lợi cho xí nghiệp). Các xí nghiệp tiến hành tổ chức lại sản xuất, liên kết với nhiều tỉnh để khai thác nguyên liệu, trao đổi thành phẩm, xây dựng phương án sản xuất ngoài kế hoạch pháp lệnh, áp dụng lương khoán, lương sản phẩm, vận dụng các chế độ thưởng linh hoạt và thiết thực, giải quyết bữa ăn trưa...

Trong đó, điển hình là Xí nghiệp dệt Thành Công với phương án vay ngoại tệ của Công ty Du lịch Thành phố, nhập nguyên liệu, sản xuất vải có chất lượng cao, giao lại cho Công ty Du lịch bán theo hình thức xuất khẩu tại chỗ, thu lại ngoại tệ. Phần lãi xí nghiệp tiếp tục nhập nguyên liệu cho đến khi trang trải hết nợ cho Công ty Du lịch còn lại nguồn ngoại tệ tự có để phát triển sản xuất theo kế hoạch xí nghiệp tự cân đối ngoại tệ [14].

Nhằm khắc phục tình trạng thiếu nguyên liệu trầm trọng ở các cơ sở sản xuất, và cũng tránh bị “tuyệt còi”, năm 1979, lãnh đạo thành phố đã sáng tạo hình thức tổ “Liên hiệp xã”, một tổ chức mang tính chất mặt trận, phi chính phủ, đứng ra huy động thương nhân người Hoa đầu tư vốn, mua hàng, trao đổi với người Hoa ở Hong Kong, Singapore... Liên hiệp xã tổ chức thu gom các mặt hàng như tôm khô, mực khô, đậu tương, lạc... trao đổi sợi thuốc lá, sợi dệt, xăng dầu, phụ tùng... *“Việc trao đổi cũng không tiến hành theo phương pháp thông thường: Hai bên ngằm điện cho nhau biết, hẹn ngày giờ, gặp nhau tại phao số 0 ngoài khơi, trao hàng cho nhau thì ai về nước của mình, không có xuất nhập cảnh gì cả”* [14]. Nhờ phương thức “xuất

nhập khẩu” trên vừa giúp thành phố giải quyết được khâu nguyên liệu, vật tư khan hiếm, vừa có sản phẩm bán ra có lãi, vừa giải quyết được việc làm cho công nhân... Đặc biệt, lúc đó Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất của cả nước có ngoại tệ USD để nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Từ những thành công bước đầu trong xuất, nhập khẩu, lãnh đạo thành phố đã cho phép các quận và các ngành của thành phố cũng được phép lập ra các công ty xuất nhập khẩu để khai thác những mối quan hệ, đáp ứng nhu cầu của ngành và của cơ sở: Ngày 15-4-1981, Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định số 73/QĐ-UB [18] chấp thuận cho Ủy ban Nhân dân quận 5 thành lập “Công ty Công tư hợp doanh xuất nhập khẩu trực dụng và chuyên ngành quận 5” gọi tắt là Công ty Cholimex (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX)). Ngày 30-6-1981, Công ty công tư hợp doanh xuất nhập khẩu trực dụng PHARIMEX được thành lập (nay là Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu PHARMEDIC). Tiếp đến là thành lập Công ty Phiconimex của Hội Công thương gia...

Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, lãnh đạo thành phố tạo điều kiện cho các đoàn thể chính trị xã hội tham gia tích cực vào hệ thống thương nghiệp, công tác quản lý thị trường. Thành phố tập trung sắp xếp lại 5 ngành hàng thiết yếu (gạo, rau, thịt, cá, chất đốt) “đưa được 77% tiểu thương ở các chợ và tổ ngành hàng vào kinh doanh hợp tác. Riêng mặt hàng gạo mở rộng mạng lưới bán lẻ từ 400 lên gần 2.000 điểm, giải quyết con sốt lương thực do ngăn sông cấm chợ” [8].

Năm 1979, trước tình trạng cán bộ và nhân dân thành phố thiếu lương thực, ăn độn bo bo, với quyết tâm *“Không thể để một người dân nào của Thành phố chết đói”* [2], bà Ba Thi (Giám đốc Công ty Lương thực Thành phố) “phá rào”, phá tệ “ngăn sông cấm chợ” đưa “Tổ thu mua lúa gạo” về Đồng bằng Sông Cửu Long thu mua gạo của dân với giá cao rồi đem

về bán cho người dân thành phố theo giá gọi là “giá đảm bảo kinh doanh”. Đặc biệt, từ nhu cầu thực tiễn và cũng tránh bị Nhà nước “đề ý”, nhiều hình thức mang tính sáng tạo, linh hoạt được “Tổ thu mua lúa gạo” thực hiện, như: Nhận thấy bà con nông dân miền Tây cần vải, cần thuốc chữa bệnh, cần dầu thắp đèn, Tổ thu mua xin phép thành phố cấp cho một số hàng hóa thiết yếu mang đi đổi lúa gạo cho các địa phương. Giải pháp này vừa góp phần giải quyết tình trạng thiếu gạo của thành phố, vừa góp phần giải quyết tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng thiết yếu bà con nông dân Đồng bằng Sông Cửu Long. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh biết rõ việc làm như vậy là sai nguyên tắc, sai chủ trương và bị Ủy ban Vật giá “kiện” lên Trung ương [8]. Nhưng với tinh thần trách nhiệm cao là phải lo “chạy gạo” cứu đói cho dân, nên biết là “vi phạm nguyên tắc” họ vẫn làm và dám chịu trách nhiệm. Với việc “nổ phát súng đầu tiên” vào chế độ bao cấp gạo, thực hiện bán gạo một giá cao đầu tiên trong cả nước, Công ty Lương thực Thành phố không chỉ góp phần giải quyết lương thực cho 4 triệu dân thành phố, mà còn mở ra cho các ngành khác của thành phố cũng như nhiều địa phương cả nước cách tự tháo gỡ khó khăn.

Từ kinh nghiệm của “Tổ thu mua lúa gạo”, ủy ban nhân dân thành phố đã quyết định thành lập Công ty Kinh doanh Lương thực thành phố. Tiếp đến, thành phố xây dựng “cửa hàng hợp tác kinh doanh” giữa Nhà nước với Trung ương, tiêu thương trong các ngành thương nghiệp, ăn uống và dịch vụ, qua đó đưa một bộ phận quan trọng thị trường “tự do” vào trật tự kinh doanh có sự kiểm tra kiểm soát của Nhà nước, đồng thời giúp thành phố chi phối được cả khâu bán buôn và bán lẻ “Cho phép thành phố nắm hơn 90% gạo trên thị trường. Các ngành thịt, cá, rau, rồi kim khí điện máy, vải sợi... rút kinh nghiệm này lại biết vận dụng theo đặc điểm ngành hàng, đã từng bước làm

chủ được thị trường (hiện nay thịt, cá đã nắm trên 80%)” [12].

Trong lĩnh vực nông nghiệp: Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ I (7-1977) [6] đưa ra phương hướng nhiệm vụ sản xuất nông - lâm - thủy sản, theo hướng đẩy mạnh sản xuất lương thực cho ngoại thành, biến ngoại thành trở thành “vành đai thực phẩm” vững chắc cho thành phố về: Rau, đậu, thịt, cá, trứng... trước hết, sản xuất rau xanh là trọng tâm của vành đai nông nghiệp bao quanh nội thành. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ III (4-1983) xác định nhiệm vụ nông thôn ngoại thành có vị trí quan trọng trong việc đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm cho nhân khẩu nông nghiệp, bảo đảm một phần nhu cầu thực phẩm: Thịt, cá, trứng, sữa, rau quả tươi sống cho nội thành, bảo đảm một phần nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và tham gia xuất khẩu. Tiếp tục xây dựng ngoại thành thành vành đai thực phẩm và vành đai cây công nghiệp ngắn ngày có chất lượng cao [17].

Những giải pháp trên đã góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực cho kinh tế thành phố: “Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 1976-1980 chỉ đạt 2,18%/năm, đến thời kỳ 1980-1985 tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,17%/năm cao hơn 3,9 lần so với giai đoạn 1976-1980 và thu hút lao động vào làm việc trong các thành phần kinh tế cũng tăng lên từ 1.104.176 người (năm 1980) lên 1.169.577 người (năm 1985). GDP bình quân đầu người đạt 586 USD” [1].

Những việc làm sáng tạo của Thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều địa phương khác trên cả nước có ý nghĩa to lớn, tạo tiền đề để Hội đồng Chính phủ cho ra đời Nghị định 40-CP (7-2-1980) về việc ban hành bản quy định về chính sách và biện pháp nhằm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu [9]; Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (13-1-1981) về Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông

nghiệp [4]; Quyết định số 25 - CP của Hội đồng Chính phủ (21-01-1981) về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh [10]; Quyết định số 26 - CP của Hội đồng Chính phủ (21-01-1981) về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước... [11] đánh dấu bước khởi đầu của quá trình đổi mới tư duy về kinh tế từ cấp vĩ mô đến cơ sở. Đặc biệt, với tầm nhìn thấu rõ thực trạng đất nước, tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn; với ý thức trách nhiệm vì dân, vì nước, dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm, với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã chính thức khởi động đường lối Đổi mới toàn diện đất nước, hơn 30 năm qua, những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn [15].

2.3. Ý nghĩa lịch sử và bài học của giai đoạn 1976-1986, liên hệ với sự nghiệp đổi mới hiện nay

Thực tiễn gần 50 năm giải phóng, thống nhất và gần 40 năm đổi mới đất nước cho thấy, quá trình tháo gỡ khó khăn của Thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều địa phương khác trên cả nước để lại ý nghĩa rất lớn. Các hoạt động tháo gỡ khó khăn của thành phố đã góp phần to lớn cải thiện về đời sống và kinh tế cho thành phố cũng như cả nước; đồng thời là cơ sở, tiền đề để lãnh đạo và nhân dân thành phố dám nghĩ, dám làm trong những năm đổi mới, hội nhập. Việc làm của thành phố và một số địa phương trên cả nước là thực tiễn quý báu để Đảng và Nhà nước từng bước tiến hành các bước tìm tòi và hoạch định đường lối Đổi mới toàn diện đất nước, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, với hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Thực tiễn từ quá trình tháo gỡ khó khăn giai đoạn 1976-1986 và từ năm 1986 đến nay của thành phố đã để lại nhiều bài học quý báu. Đó là: Trong mọi hoạt động phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, từ cuộc sống vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới; phải kế thừa, phát huy mặt tích cực của truyền thống, đồng thời từng bước đổi mới một cách sâu sắc; phải mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; phải phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, chú trọng và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng.

Phát huy tinh thần tháo gỡ khó khăn của giai đoạn 1976-1986, từ khi Đổi mới toàn diện đất nước đến nay, thành phố đã nỗ lực phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy tính năng động, sáng tạo để tiếp tục phát triển kinh tế, khẳng định vị thế và vai trò của đầu tàu kinh tế Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam; kinh tế của thành phố chuyển biến tích cực từ chiều rộng sang chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến quan trọng, theo hướng gia tăng khu vực dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp.

Vượt qua những khó khăn, thách thức của đại dịch COVID-19, từ năm 2022 đến nay, “*Nhờ sự hỗ trợ của Trung ương, sự nỗ lực, quyết tâm của chính quyền và nhân dân thành phố, kinh tế đã có sự phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng đạt 9,03%, thu ngân sách đạt 122% dự toán... Mặc dù chỉ chiếm 0,6% diện tích và 8,6% lao động cả nước, nhưng nhờ năng suất lao động cao, thành phố đóng góp hơn 22% vào kinh tế cả nước. Thành phố luôn là địa phương đóng góp ngân sách lớn nhất, chiếm 27% tổng thu ngân sách quốc gia*” [19]. Thành phố còn là một địa phương đi đầu trong đột phá

về thể chế để phát triển nhanh, bền vững, vì cả nước, cùng cả nước. Thành phố đã chủ động đề xuất và xây dựng các đề án để trình Bộ Chính trị, Chính phủ và Quốc hội để tạo động lực mới cho Thành phố phát triển. Gần đây, nhằm tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu để phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo đột phá, giải quyết các điểm nghẽn, nút thắt về phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là nghị quyết được đánh giá là tạo ra sự bứt phá cho thành phố trong thời gian tới bởi có những cơ chế, chính sách chỉ áp dụng riêng cho Thành phố Hồ Chí Minh mang tính vượt trội [19].

3. KẾT LUẬN

Thành phố Hồ Chí Minh với truyền thống “đi trước” của mình, trong bối cảnh đất nước

đang gặp khó khăn của giai đoạn 1976-1986, tiếp tục xung kích đi đầu trong việc “tháo gỡ” về cơ chế sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông, giải quyết vốn đầu tư... Những chủ trương, giải pháp tháo gỡ của thành phố đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, bước đầu phát huy tác dụng tích cực trong việc giải phóng sức sản xuất, động viên nhiệt tình lao động của quần chúng, góp phần từng bước tháo gỡ những khó khăn, ách tắc trong xã hội. Thực tế cho thấy, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương tiên phong, khởi xướng, đột phá nhiều chủ trương, cách làm, đem lại hiệu quả to lớn, tạo sức lan tỏa cho cả nước, giúp Đảng và Nhà nước kịp thời có những tìm tòi, hoạch định, bổ sung phát triển đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế trong gần 40 năm vừa qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Thường vụ Thành Ủy (1997), *Thành phố Hồ Chí Minh 20 năm (1975-1995)*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cửu Long (1992), *Chuyện kể về chị Ba Thi, nữ anh hùng lao động*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ nhất (tháng 4-1977)*, Lưu hành nội bộ.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1980), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ hai (tháng 10-1980)*, Lưu hành nội bộ.
- [8] Hà Minh Hồng và Trần Nam Tiến (2020), *Thành phố Hồ Chí Minh 45 năm hòa bình, hòa vui và phát triển (1975-2020)*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Hội đồng Chính phủ (1980), *Nghị định số 40-CP ngày 7 tháng 2 năm 1980 về việc ban hành bản quy định về chính sách và biện pháp nhằm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu*, Hà Nội.
- [10] Hội đồng Chính phủ (1981), *Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 25-CP ngày 21 tháng 1 năm 1981 về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh*, Hà Nội.

- [11] Hội đồng Chính phủ (1981), *Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 26-CP ngày 21 tháng 1 năm 1981 về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng các hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của nhà nước*, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Văn Linh (1985), *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [13] Đỗ Hoài Nam và Đặng Phong (2006), *Những bước đột phá của An Giang trên con đường đổi mới kinh tế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [14] Đặng Phong (2009), *“Phá rào” trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
- [15] Võ Văn Sen (2017), *Chuyển biến kinh tế xã hội Nam Bộ từ năm 1975 đến nay một cách tiếp cận liên ngành (sách chuyên khảo)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [16] Tổng cục Thống kê (1990), *Việt Nam - con số và sự kiện 1945-1989*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [17] Viện Kinh tế - Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm xây dựng và phát triển (1975-2005)*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [18] Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn, *Lịch sử phát triển*, <https://www.cholimex.vn/vi/lich-su-phat-trien/>, ngày truy cập: 26-7-2024.
- [19] V. Lê (2024), *TP Hồ Chí Minh phát huy vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước*, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/tp-ho-chi-minh-phat-huy-vai-tro-dau-tau-kinh-te-cua-ca-nuoc-664093.html>, ngày truy cập: 28-7-2024.